| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **52/2024**/DS-ST
Ngày: 09/4/2024
*V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Trúc Mai**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Lê Thị Phương Thảo**

2. Ông **Lê Văn Minh**

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà **Đàm Thị Ngọc Ánh**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang*** *tham gia phiên tòa*: Bà **Lương Thị Trà My** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **421**/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-DS ngày 01/03/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 31/2024/QĐST-DS ngày 20/3/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Thanh V, sinh năm 1982;

Địa chỉ: số C, ấp C, xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Trần Văn S, sinh năm 1969;

Địa chi: ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt anh V, vắng mặt ông S)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

** Trong đơn khởi kiện, bản tường trình ngày 05/10/2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh* Nguyễn Thanh V *trình bày:*

Ngày 12/6/2019, ông Trần Văn S có vay anh V số tiền 100.000.000đồng với lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 03 năm tính từ ngày 12/6/2019 đến ngày

12/6/2022. Ông S đã trả cho anh V được 6 tháng tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng là 6.000.000đồng. Sau đó, ông S ngừng trả lãi cho anh V. Đến hạn trả nợ, anh V có gọi điện thoại nhắc nhở ông S trả số nợ gốc và số tiền lãi còn thiếu cho anh V, nhưng ông S không nghe máy và cố tình tránh mặt anh.

Nay anh V yêu cầu ông Trần Văn S trả cho anh 100.000.000đồng nợ gốc; số tiền lãi còn phải trả theo thỏa thuận là: 100.000.000đồng x 1%/tháng x 30 tháng = 30.000.000đồng; tiền lãi chậm trả tính từ 13/6/2022 đến ngày 13/9/2023 = 100.000.000đồng x 15 tháng x 1,66%/tháng = 24.900.000đồng. Tổng cộng là 154.900.000đồng. Ngoài ra, anh còn yêu cầu ông S tiếp tục trả lãi chậm trả trên số nợ gốc từ ngày 14/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

* *Bị đơn ông* Trần Văn S vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù ông đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham dự các phiên hòa giải và công khai chứng cứ, tham dự phiên tòa sơ thẩm, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ.

**Tại phiên tòa hôm nay**

- Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 100.000.000đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu bị đơn trả lãi cho nguyên đơn như đã khởi kiện ban đầu.

- Bị đơn ông Trần Văn S tiếp tục vắng mặt, không lý do.

- Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm:

+ *Về phần thủ tục*, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ mà pháp luật tố tụng dân sự đã quy định đối với bị đơn.

+ *Về việc giải quyết vụ án*, trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1]** - ***Về thủ tục tố tụng:***

Bị đơn nhiều lần vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án nhiều lần tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham dự phiên tòa. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên hòa giải, công khai chứng cứ ngày 23/02/2024, nguyên đơn có ý kiến: xin đơn phương chấm dứt ủy quyền đối với ông Ngô Công B, yêu cầu này của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Khoản 4 Điều 422 Bộ luật

Dân sự, nên được chấp nhận và tư cách đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn của ông Nguyễn Công B1 chấm dứt kể từ ngày 23/02/2024, từ đó Tòa án không triệu tập ông B1 tham dự phiên tòa.

Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của anh V, xét thấy hoàn toàn là tự nguyện và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[2] -** ***Về quan hệ pháp luật tranh chấp:*** Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*".

**[3] -** ***Về nội dung yêu cầu khởi kiện:***

Tại phiên tòa, nguyên đơn xuất trình ra được chứng cứ là bản chính Hợp đồng vay tiền giữa anh và ông Trần Văn S, nội dung thể hiện ông S có vay của Nguyễn Thanh V số tiền 100.000.000đồng vào ngày 12/6/2019, thời hạn vay là 03 năm tính từ ngày 12/6/2019 đến ngày 12/6/2022, lãi suất 1%/tháng.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ, nhưng bị đơn không có bất kỳ phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 463, Khoản 1 và Khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự, giao dịch vay tiền giữa đôi bên thuộc trường hợp vay có lãi và có kỳ hạn, anh V chỉ yêu cầu ông S trả cho anh 100.000.000đồng, không yêu cầu trả lãi là hoàn toàn có căn cứ và có lợi cho ông S, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần buộc ông S trả cho anh V 100.000.000đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

**[4]** Xét đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát là hoàn toàn phù hợp với phân tích nêu trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

**[5] -** *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì ông S phải chịu án phí là: 100.000.000đồng x 5% = 5.000.000đồng.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Khoản 1 và Khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Xử:***

**1/** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh V.

Buộc bị đơn Trần Văn S trả cho anh Nguyễn Thanh V số tiền **100.000.000 (một trăm triệu) đồng,** ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*Kể từ ngày anh* V *có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông* S *chậm thi hành số tiền nói trên cho anh* V *thì ông* S *còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

**2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Ông Trần Văn S phải chịu 5.000.000 (năm triệu) đồng.

- H lại cho anh Nguyễn Thanh V số tiền **3.872.500** (ba triệu tám trăm bảy mươi hai ngàn năm trăm) đồng tạm ứng án phí mà anh V đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006650 ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

**3/ Về quyền kháng cáo**:

- Anh Nguyễn Thanh V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Ông Trần Văn S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
*- TAND tỉnh Tiền Giang.*
*- VKSND huyện C.*
*- Chi cục THADS H. Châu Thành.*
*- Các đương sự.*
*- Lưu HSVA.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**HUỲNH THỊ TRÚC MAI**